

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/KDTM-ST

Ngày 26/6/2025

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Cẩm .

2. Bà Trần Thị Liên.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Mai Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn N – Kiểm sát viên.

Ngày 26/6/2025, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2024/TLST-KDTM ngày 24/12/2024, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2026/QĐXX – DS ngày 26/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2025/QĐST- TM ngày 11/6/2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H.

Địa chỉ: B Bis N, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền khởi kiện: Ông Phan Ngọc D; chức vụ: Giám đốc vùng phụ trách khu vực T - Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Hoàng Thị Lan A; chức vụ: Chuyên viên quan hệ khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H - Chi nhánh Đ; có mặt.

- **Bị đơn:** Công ty TNHH S.

Địa chỉ: C T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đỗ N1; Chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**
- Ông Nguyễn Đỗ N1 và bà Đỗ Thị Hoa L. Địa chỉ: C L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
- Bà Đỗ Thị Kiều T1. Địa chỉ: E Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
- Ông Trần Viết C. Địa chỉ: D Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hoàng Thị Lan A trình bày:

Ngân hàng TMCP P đã cấp tổng HM tín dụng cho Công ty TNHH S1 là 3.010.000.000 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 45205/22MN/HĐTD ngày 30/12/2022, Hợp đồng tín dụng số 6485/23MN/HĐTD ngày 14/03/2023, Hợp đồng tín dụng số 10519/23MN/HĐTD ngày 26/07/2023 và Thẻ tín dụng xăng dầu cho Công ty TNHH S1, tổng mức cấp 80.000.000 đồng, dư nợ hiện tại tính đến 25/9/2024 là 114.466.324 đồng, theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng xăng dầu kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng xăng dầu số 0961 ngày 17/04/2023, chi tiết khoản vay Công ty TNHH S1.

STT	Khế ước	Ngày nhận nợ	Số tiền
1	45205/22MN/HĐTD/KUNN02	14/07/2023	1.150.000.000
2	6485/23MN/HĐTD/KUNN02	19/09/2023	300.000.000
3	10519/23MN/HĐTD/KUNN01	28/07/2023	250.000.000
4	10519/23MN/HĐTD/KUNN02	03/11/2023	110.000.000
TỔNG SỐ TIỀN			1.810.000.000

Mục đích vay vốn: Bổ sung, bù đắp vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh nông sản.

Khoản vay Thẻ xăng dầu

STT	Số Thẻ	Ngày phát hành	Hạn mức thẻ
1	498767xxxxxx3237 (Tài khoản Thẻ số: 811142450171)	25/04/2023	80.000.000
TỔNG SỐ TIỀN			80.000.000

Mục đích cấp thẻ: Phục vụ nhu cầu tiêu dùng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng:

Quyền sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 723328 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 05/12/2022, cập nhật thay đổi ngày 28/12/2022 thuộc quyền sở hữu của Ông Nguyễn Đỗ N1 và bà Đỗ Thị Kiều T1. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 38000/22MN/HĐBĐ ngày 30/12/2022 tại Văn phòng C1, tỉnh Đắk Lắk và được Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 30/12/2022 tại Chi nhánh Văn phòng Đ1. Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL 532964 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đ cấp ngày 11/04/2023, cập nhật thay đổi ngày 20/7/2023 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Đỗ N1 và bà Đỗ Thị Kiều T1. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ số 8304/23MN/HĐBĐ ngày 26/07/2023 tại Văn phòng C1, tỉnh Đắk Lắk và được Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 26/07/2023 tại Văn phòng Đ1.

Xe ô tô Honda Civic E, Biển kiểm soát: 47A-445.65, GCN số 47 014902 do Phòng C2 - Công an tỉnh Đ cấp ngày 05/01/2022 thuộc quyền sở hữu của Ông Trần Việt C. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị vận tải để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 5113/23MN/HĐBĐ ngày 14/03/2023 tại Văn phòng C1, tỉnh Đắk Lắk và được Đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 15/03/2023.

Dự nợ bị đơn tính ngày 25/9/2024 là 2.196.840.543 đồng, trong đó khoản vay Công ty TNHH S1 gốc 1.810.000.000 đồng, lãi trong hạn 71.201.243 đồng và lãi quá hạn 201.352.998 đồng. Khoản vay Thẻ tín dụng xăng dầu Công ty TNHH S1 nợ gốc gốc 72.664.243 đồng, nợ lãi trong hạn 17.311.588 đồng và lãi quá hạn 24.490.493 đồng.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH S1 phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc lãi tính ngày 25/9/2024 là 2.196.840.543 đồng, trong đó khoản vay Công ty TNHH S1 gốc 1.810.000.000 đồng, lãi trong hạn 71.201.243 đồng và lãi quá hạn 201.352.998 đồng. Khoản vay Thẻ tín dụng xăng dầu Công ty TNHH S1 nợ gốc gốc 72.664.243 đồng, nợ lãi trong hạn 17.311.588 đồng và lãi quá hạn 24.490.493 đồng.

Buộc Công ty TNHH S1 phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết với H từ ngày 25/09/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp Công ty TNHH S1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, thì đề nghị Tòa án tuyên cho nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp tại Hợp đồng thế chấp QSDĐ để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ số 38000/22MN/HĐBĐ

ngày 30/12/2022, 8304/23MN/HĐBĐ ngày 26/07/2023, 5113/23MN/HĐBĐ ngày 14/03/2023, để thu hồi nợ cho nguyên đơn.

Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ của Công ty TNHH S1 tại Ngân hàng, thì những thành viên ký văn bản cam kết bảo lãnh phải có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trả nợ thay cho Công ty TNHH S1 theo đúng nội Văn bản cam kết bảo lãnh đã ký với Ngân hàng ngày 30/12/2022' ngày 14/3/2025 và ngày 26/7/2023. Ngoài ra, không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

Đối với các đương sự: Bị đơn Công ty TNHH S1, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH S1 ông Nguyễn Đỗ N1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đỗ N1, Đỗ Thị Kiều T1, Trần Viết C, trong quá trình tố tụng Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình lẩn tránh không tham gia tố tụng nên Tòa án không tiến hành ghi lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của phía nguyên đơn tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền tính ngày 25/9/2024 là 2.196.840.543 đồng, trong đó khoản vay Công ty TNHH S1 gốc 1.810.000.000 đồng, lãi trong hạn 71.201.243 đồng và lãi quá hạn 201.352.998 đồng. Khoản vay Thẻ tín dụng xăng dầu Công ty TNHH S1 nợ gốc gốc 72.664.243 đồng, nợ lãi trong hạn 17.311.588 đồng và lãi quá hạn 24.490.493 đồng. Buộc bị đơn phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết với H từ ngày 25/09/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp Công ty TNHH S1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, thì đề nghị Tòa án tuyên cho nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp tại Hợp đồng thế chấp QSDĐ để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ số 38000/22MN/HĐBĐ ngày 30/12/2022, 8304/23MN/HĐBĐ ngày 26/07/2023, 5113/23MN/HĐBĐ ngày 14/03/2023, để thu hồi nợ cho nguyên đơn.

Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ của Công ty TNHH S1 tại Ngân hàng, thì những thành viên ký văn bản cam kết bảo lãnh phải có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trả nợ thay cho Công ty TNHH S1 theo đúng nội Văn bản cam kết bảo lãnh đã ký với Ngân hàng.

Về án phí và các chi phí tố tụng: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[2]. Về nội dung vụ án: Ngân hàng TMCP P đã cấp tín dụng cho Công ty TNHH S1 là 3.010.000.000 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 45205/22MN/HĐTD ngày 30/12/2022, Hợp đồng tín dụng số 6485/23MN/HĐTD ngày 14/03/2023, Hợp đồng tín dụng số 10519/23MN/HĐTD ngày 26/07/2023 và Thẻ tín dụng xăng dầu cho Công ty TNHH S1, tổng mức cấp 80.000.000 đồng. Tài sản bảo đảm cho các khoản vay là Quyền sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 723328 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 05/12/2022, cập nhật thay đổi ngày 28/12/2022 thuộc quyền sở hữu của Ông Nguyễn Đỗ N1 và bà Đỗ Thị Kiều T1. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 38000/22MN/HĐBĐ ngày 30/12/2022 tại Văn phòng C1, tỉnh Đắk Lắk và được Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 30/12/2022 tại Chi nhánh Văn phòng Đ1. Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL 532964 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 11/04/2023, cập nhật thay đổi ngày 20/7/2023 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Đỗ N1 và bà Đỗ Thị Kiều T1. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ số 8304/23MN/HĐBĐ ngày 26/07/2023 tại Văn phòng C1, tỉnh Đắk Lắk và được Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 26/07/2023 tại Văn phòng Đ1.

Xe ô tô Honda Civic E, Biển kiểm soát: 47A-445.65, GCN số 47 014902 do Phòng C2 - Công an tỉnh Đ cấp ngày 05/01/2022 thuộc quyền sở hữu của Ông Trần Viết C. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị vận tải để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 5113/23MN/HĐBĐ ngày 14/03/2023 tại Văn phòng C1, tỉnh Đắk Lắk và được Đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 15/03/2023.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết nên nguyên đơn khởi kiện tranh chấp đề nghị Tòa án xem xét giải quyết để bảo vệ quyền lợi của mình theo đúng pháp luật.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP P và bị đơn Công ty TNHH S1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã phát sinh quan hệ tín dụng, quan hệ thế chấp, quan hệ bảo lãnh theo các hợp đồng, các văn bản thỏa thuận mà các bên đã ký kết. Việc các bên ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, văn bản bảo lãnh cam kết là hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc, lừa dối trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bên đương sự đều thừa nhận không ai phản đối. Vì vậy các hợp đồng, các đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật buộc các bên phải thực hiện.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ của các khoản vay nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ khoản nợ gốc và lãi còn nợ tính đến ngày 25/9/2024 là 2.196.840.543 đồng, trong đó khoản vay Công ty TNHH S1 gốc 1.810.000.000 đồng, lãi trong hạn 71.201.243 đồng và lãi quá hạn 201.352.998 đồng. Khoản vay Thẻ tín dụng xăng dầu Công ty TNHH S1 nợ gốc gốc 72.664.243 đồng, nợ lãi trong hạn 17.311.588 đồng và lãi quá hạn 24.490.493 đồng.

Buộc Công ty TNHH S1 phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết với nguyên đơn từ ngày 25/9/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp Công ty TNHH S1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mại các tài sản đã thế chấp tại Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 38000/22MN/HĐBĐ ngày 30/12/2022; Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ số 8304/23MN/HĐBĐ ngày 26/07/2023; Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị vận tải để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 5113/23MN/HĐBĐ ngày 14/03/2023.

Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ của Công ty TNHH S1 tại Ngân hàng, thì những thành viên Nguyễn Đỗ N1, Đỗ Thị Hoa L người đã ký văn bản cam kết bảo lãnh phải có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trả nợ thay cho Công ty TNHH S1 theo đúng nội Văn bản cam kết bảo lãnh đã ký với Ngân hàng ngày 30/12/2022; ngày 14/3/2023 và ngày 26/7/2023.

Sau khi bị đơn thanh toán xong nợ cho nguyên đơn, thì nguyên đơn có trách nhiệm trả lại cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các giấy tờ tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 38000/22MN/HĐBĐ ngày 30/12/2022; Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ số 8304/23MN/HĐBĐ ngày 26/07/2023; Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị vận tải để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 5113/23MN/HĐBĐ ngày 14/03/2023.

[4]. Về chi phí tố tụng: Công ty TNHH S1 phải chịu 10.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP P số tiền 10.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ khi nào thu được từ Công ty TNHH S1.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH S1 phải chịu 72.000.000 đồng + (2% x 196.840.543 đồng) = 75.937.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP P số tiền 37.968.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0000546 ngày 17/12/2024.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 91 Luật tổ chức tín dụng.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển thành phố H.

Buộc bị đơn Công ty TNHH S1 có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển thành phố H toàn bộ khoản nợ gốc và lãi còn nợ tính đến ngày 25/9/2024 là 2.196.840.543 đồng, trong đó khoản vay Công ty TNHH S1 gốc 1.810.000.000 đồng, lãi trong hạn 71.201.243 đồng và lãi quá hạn 201.352.998 đồng. Khoản vay Thẻ tín dụng xăng dầu Công ty TNHH S1 nợ gốc gốc 72.664.243 đồng, nợ lãi trong hạn 17.311.588 đồng và lãi quá hạn 24.490.493 đồng.

Buộc bị đơn Công ty TNHH S1 phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 45205/22MN/HĐTD ngày 30/12/2022, Hợp đồng tín dụng số 6485/23MN/HĐTD ngày 14/03/2023, Hợp đồng tín dụng số 10519/23MN/HĐTD ngày 26/07/2023 và khế ước nhận nợ đã ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển thành phố H với bị đơn Công ty TNHH S1 từ ngày 26/9/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp bị đơn Công ty TNHH S1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, thì nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển thành phố H có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mại các tài sản đã thế chấp tại Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng

đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 38000/22MN/HĐBĐ ngày 30/12/2022; Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ số 8304/23MN/HĐBĐ ngày 26/07/2023; Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị vận tải để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 5113/23MN/HĐBĐ ngày 14/03/2023, để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển thành phố H.

Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ của Công ty TNHH S1 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển thành phố H, thì những thành viên Nguyễn Đỗ N1, Đỗ Thị Hoa L người đã ký văn bản cam kết bảo lãnh phải có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trả nợ thay cho Công ty TNHH S1 theo đúng nội Văn bản cam kết bảo lãnh đã ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển thành phố H ngày 30/12/2022; ngày 14/3/2023 và ngày 26/7/2023.

Sau khi bị đơn Công ty TNHH S1 thanh toán xong nợ cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển thành phố H, thì nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển thành phố H có trách nhiệm trả lại cho bị đơn Công ty TNHH S1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Đỗ N1, Đỗ Thị Hoa L, Trần Viết C các giấy tờ tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 38000/22MN/HĐBĐ ngày 30/12/2022; Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ số 8304/23MN/HĐBĐ ngày 26/07/2023; Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị vận tải để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 5113/23MN/HĐBĐ ngày 14/03/2023.

Về chi phí tố tụng: Bị đơn Công ty TNHH S1 phải chịu 10.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển thành phố H số tiền 10.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ khi nào thu được từ bị đơn Công ty TNHH S1.

Về án phí: Bị đơn Công ty TNHH S1 phải chịu 108.500.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển thành phố H số tiền 51.558.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0000999 ngày 11/3/2024.

Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Đình Thanh